PHÒNG GD VÀ ĐT AN LÃO

**TRƯỜNG PTDT BT ĐINH RUỐI**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2023 - 2024**

**MÔN :Khoa Học Tự Nhiên, LỚP 6.**

**ĐỀ SỐ: 1**

*Thời lượng thực hiện: 90 phút*

**I/ KHUNG MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ:**

**- Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa kì 1, khi kết thúc nội dung: Một số vật liệu, nguyên liệu , nhiên liệu, lương thực – thực phẩm.

**- Thời gian làm bài:** 90 phút.

**- Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

**- Cấu trúc:**

+ Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

+ Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm.

+ Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

**1. Khung ma trận:**

| **Chủ đề/Bài** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu/ số ý** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1.* Giới thiệu về khoa học tự nhiên, dụng cụ đo và an toàn thực hành.  ( 7 tiết) |  | 3 | 1 | 1 |  |  |  |  | 1/  (2) | 4 | 2,0 |
| *2.* Các phép đo ( 10 tiết) |  | 4 |  | 2 | 1 |  | 1 |  | 2/(4) | 6 | 3,0 |
| *3.* Các thể của chất  ( 5 tiết ) |  | 2 | 1 |  |  |  |  |  | 1/(2) | 2 | 1,5 |
| *4.* Oxygen và không khí  ( 3 tiết ) | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1/(2) |  | 1,0 |
| *5.* Một số vật liệu, nguyên liệu , nhiên liệu, lương thực – thực phẩm.(8 tiết ) |  | 3 |  | 1 | 1 |  |  |  | 1/(3) | 4 | 2,5 |
| **Số câu TN/ Số ý TL** | **1** | **12** | **2** | **4** | **2** |  | **1** |  | **6/(13)** | 16 |  |
| **Điểm số** | **1,0** | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** |  | **1,0** |  | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**2. Bảng đặc tả:**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (ý) | TN  (câu) |
| **1.** Giới thiệu về khoa học tự nhiên, dụng cụ đo và an toàn thực hành. **( 7 tiết)** | | | **1 (2)** | **4** | **C1** | **C1,2,3,4** |
| -Giới thiệu về Khoa học tự nhiên.  - Các lĩnh vực chủ yếu  của Khoa học tự nhiên.  - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong  phòng thực hành. | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. |  |  |  |  |
| - Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  | 1 |  | C3 |
| - Nêu được các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên |  | 1 |  | C1 |
| - Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...). |  |  |  |  |
| - Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  | 1 |  | C2 |
| - Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  |  |  |  |
| - Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. | 1 (2) | 1 | C1 | C4 |
| - Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
|  | - Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** |  |  |  |  |  |
| **2. Các phép đo ( 10 tiết)** | | | **2(4)** | **6** | **C3,4** | **C5,6,8,10,11,15** |
| - Đo chiều dài  - Đo khối lượng.  - Đo thời gian  - Thang nhiệt độ Celsius – Đo nhiệt độ  - Đo thể tích. | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật. |  | 1 |  | C5 |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Trình bày được được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật. |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. |  | 1 |  | C6 |
| - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian. |  | 1 |  | C8 |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  | 1 |  | C10 |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thể tích. |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thể tích trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. |  | 1 |  | C11 |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  | 1 |  | C15 |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thể tích trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Xác định giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước. |  |  |  |  |
| - Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được chiều dài của một vật bằng thước (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của cân. |  |  |  |  |
| - Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được khối lượng của một vật bằng cân (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Dùng đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thời gian và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được thời gian bằng đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của mỗi loại nhiệt kế. |  |  |  |  |
|  | - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của bình chia độ. | **1** |  | C6 |  |
| - Dùng bình chia độ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thể tích và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được thể tích của một lượng chất lỏng bằng bình chia độ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Xác định được thể tích của vật rắn không thấm nước bằng bình chia độ, bình tràn (như hòn đá, đinh ốc...) |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,.. | **1** |  | C3 |  |
| 3. Các thể của chất ( 5 tiết ) | | | **1 (2)** | **2** | **C4** | **C7,9** |
| -Sự đa dạng của chất.  -Tính chất và sự chuyển đổi thể của chất. | **Nhận biết** | - Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...). |  | **1** |  | C9 |
| - Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. |  |  |  |  |
| - Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học). |  | **1** |  | C7 |
| - Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. | **1** |  | C4 |  |
| - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** |  |  |  |  |  |
| 4. Oxygen và không khí ( 3 tiết ) | | | **1 (2)** |  | **C5** |  |
| - Oxygen và không khí | **Nhận biết** | - Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, .) |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. |  |  |  |  |
| - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  |  |  |  |
| - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. | 1 (2) |  | C5 |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |  |  |
| - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** |  |  |  |  |  |
| 5. Một số vật liệu, nguyên liệu , nhiên liệu, lương thực – thực phẩm**.( 8 tiết )** | | | **1(3)** | **4** | **C2**  **a,b,c** | **C12,13,14,16** |
| - Một số vật liệu, nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng.  - Một số lương thực – thực phẩm thông | **Nhận biết** | – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như:  + Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh, ...);  + Một số nhiên liệu (than, gas, xăng dầu, ...); sơ lược về an ninh năng lượng;  + Một số nguyên liệu (quặng, đá vôi, ...);  + Một số lương thực – thực phẩm. |  | 3 |  | C12,13,14 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |  | **1** |  | C16 |
| **Vận dụng** | - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng. | **(2)** |  | C2  a,b |  |
| **Vận dụng cao** | - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. |  |  |  |  |
| - Đề xuất được phương án tìm hiểu tìm hiểu về một số tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. | **(1)** |  | C2 |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TR. PTDTBT ĐINH RUỐI**  Họ và tên:................................Lớp:.............SBD:....................  **Đề 1** | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Năm học: 2023- 2024**  **Môn: Khoa Học Tự Nhiên 6**  Thời gian làm bài 90 phút (không kể thời gian giao đề) | Số mật mã |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giám thị 1 | Giám thị 2 | Giám khảo 1 | Giám khảo 2 | điểm bằng số | Điểm bằng chữ | Số mật mã |

**I/ ĐỀ KIỂM TRA:**

**I: TRẮC NGHIỆM *(4,0 điểm)***

***Khoanh tròn vào một chữ trong các chữ cái A, B,C,D,theo em là đúng trong các câu sau:***

**Câu 1*:Vật nào sau đây gọi là vật không sống?***

A.Con ong. B.Vi Khuẩn.

C.Than củi. D.Cây cam.

**Câu 2**: ***Khi quan sát tế bào thực vật ta nên chọn loại kính nào?***

A. Kính có độ. B. Kính lúp.

C. Kính hiển vi D. Kính hiển vi hoặc kính lúp đều được.

**Câu 3: *Khoa học tự nhiên có những vai trò nào đối với cuộc sống?***

A. Bảo vệ sức khỏe và cuộc sống của con người.

B. Mở rộng sản xuất và phát triển kinh tế.

C. Cung cấp thông tin và nâng cao hiểu biết của con người.

D. Cả ba phương án trên.

**Câu 4**: ***Hiện tượng cây mọc hướng về phía ánh sáng khi được chiếu sáng từ một phía là đặc điểm nào của vật sống?***

A. Lớn lên. B. Cảm ứng. C. Sinh sản. D. Sự phát triển.

**Câu 5:** ***Đơn vị nào là đơn vị đo độ dài hợp pháp của nước ta?***

A. Mét (m).B. Kilômét (km).C. Centimét (cm).D. Đềximét (dm).

**Câu 6: *Người ta sử dụng dụng cụ nào để đo thời gian?***

A. Mét (m). B. Đồng hồ. C. Điện thoại. D. Máy tính.

**Câu 7: *Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất vật lý?***

A. Hiện tượng nhai trầu.

B. Nước ở thể lỏng.

C. Đun nóng đường ở thể rắn để chuyển sang đường có màu đen và vị đắng.

D. Gỗ cháy thành than.

**Câu 8 : *Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là:***

A. giờ.                    B. ngày.      C. tuần.   D. giây.

**Câu 9 : *Dãy gồm các chất ở thể rắn ở nhiệt độ phòng là:***

A. bút chì, nước, thước kẻ. B. cục tẩy, quyển sách, thước kẻ.

C. sữa, nước, cục tẩy. D. sữa, thước kẻ, cục tẩy.

**Câu 10: *Nhiệt kế y tế thủy ngân hoạt động dựa trên hiện tượng nào?***

A. Sự dãn nở vì nhiệt của chất khí. B. Sự dãn nở vì nhiệt của chất rắn.

C. Sự dãn nở vì nhiệt của chất lỏng. D. A hoặc B.

**Câu 11: *Để đo độ dài của một vật, ta nên dùng*** :

A. sợi dây.      B. gang bàn tay.      C. thước đo.D. bàn chân.



**Câu 12: *Tính chất nào dưới đây không phải là tính chất chung của kim loại?***

A. Tính dẫn điện         B. Tính dẻo                     C. Tính dẫn nhiệt        D. Tính nhiễm từ.

**Câu 13: *Dựa vào tính chất nào dưới đây mà kim loại đồng, kim loại nhôm lại được sử dụng làm dây***

Dẫn điện ?

A. Dẫn nhiệt tốt.  B. Dẫn điện tốt. C. Rẻ. D. Bền.

**Câu 14: *Dựa vào tính chất nào của thủy tinh mà thủy tinh thường được sử dụng làm dụng cụ trong phòng thí nghiệm?***

A. Trong suốt.

B . Không thấm nước và không tác dụng mới nhiều hóa chất.

C. Bền với điều kiện môi trường.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 15: *Muốn kiểm tra chính xác em bé có sốt hay không, người mẹ sẽ chọn loại nhiệt kế nào trong các loại nhiệt kế sau ?***

A. nhiệt kế rượu. B. nhiệt kế thủy ngân. C. nhiệt kế y tế. D. cả 3 loại nhiệt kế.

**Câu 16:  *Vật dụng nào sau đây được xem là thân thiện với môi trường?***

A. Pin B. Ống hút làm từ bột gạo.

C. Máy tính. D. Túi ni lông.

**II: TỰ LUẬN *(6,0 điểm)***

**Câu 1: *(1,0 điểm)*** Em hãy phân biệt vật sống và vật không sống: cây khế, cây thước, hòn đá, con gà, con thỏ, con cá ?

khí ?

**Câu 2: *(1,5 điểm)***

a.Các đồ dùng sau được làm từ vật liệu gì ?

b.Trình bày tính chất và ứng dụng của Vật liệu nhựa ?

c. Tìm một số dẫn chứng để chỉ ra rằng việc sử dụng nhựa không hợp lí, không hiệu quả có thể tác động tiêu cực đến sức khỏe con người và môi trường ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thau nhựa PP tròn Duy Tân 2T4 20cm giá tốt tại Bách hoá XANH | BỘ ÁN THỜ - BÀN THỜ GỖ GÕ ĐỎ 1m97 | không gian đẹp 198vinh | Tiki | Bảng Báo Giá Lốp Ô Tô Westlake Chính Hãng Đại Lý Thay Lắp Nhanh Chóng - Ô  Tô Miền Bắc - NAT | Top 199+ Ly thủy tinh Ocean đẹp bền, giá rẻ TPHCM - Hà Nội |
| …….. | …….. | …….. | …….. |

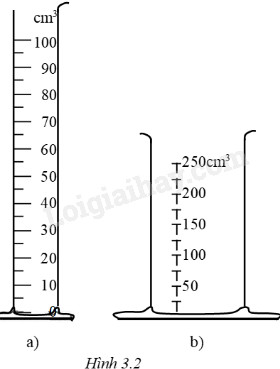


**Câu 3:** ***(0.5 điểm)***Bằng kiến thức đã học, em hãy thiết kế phương án đo đường kính ống tre ? Khi chỉ có một sợi dây và một thước kẻ học sinh .

**Câu 4**: ***(1,0 điểm)***Dựa vào đặc điểm nào của chất lỏng mà ta có thể bơm được xăng vào các bình chứa có hình dạng khác nhau ?

**Câu 5: *(1,0 điểm)***Nêu các biện pháp thiết thực của bản thân em để bảo vệ môi trường không

**Câu 6: *(1,0 điểm)*** Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của bình chia độ ở hình 3.2?



..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................



……………………………………………………………………………………………

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

**…………………………………………………………………………………………………….**

PHÒNG GD VÀ ĐT AN LÃO

**TRƯỜNG PTDT BT ĐINH RUỐI**

**ĐỀ SỐ: 1**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**NĂM HỌC 2023 - 2024**

**Môn: Khoa Học Tự Nhiên , lớp 6**

**III/ ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM:**

**I: TRẮC NGHIỆM *(4,0 điểm)*** Chọn đúng mỗi câu được 0,25điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đáp án | C | C | D | B | A | B | B | D | B | C | C | D | B | D | C | B |

**II: TỰ LUẬN *(6,0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| Câu 1:  1,0 điểm | |  |  | | --- | --- | | **Vật sống** | **Vật không sống** | | cây khế, con gà, con thỏ, con cá. | cây thước, hòn đá | | Mỗi nhóm sinh vật nêu đúng được 0,5đ |
| Câu 2  1,5 điểm | a/ Nhựa, gỗ, cao su, thủy tinh... | 0.5đ |
|  | b/ + Vật liệu nhựa không dẫn điện, dẫn nhiệt kém, ít bị ăn mòn và không gỉ  + Dùng làm đồ gia dụng, làm vỏ dây dẫn điện; không dẫn nhiệt nên thường dùng làm quai (tay cầm)cho các nồi nấu bằng kim loại | 0.25đ  0,25 đ |
|  | c/ + Đốt rác thải nhựa gây ô nhiễm môi trường, có thể gây đau đầu, nôn mửa ở người  + Túi nilông mất hàng triệu năm để phân hủy | 0.25đ  0,25 đ |
| Câu 3  0,5 điểm | Các bước thực hiện để đo đường kính của ống tre:  - Dùng thước dây đo đúng một vòng quanh ống tre ta được chu vi của ống tre.  -Lấy số đo chu vi chia cho 3,14 ta được đường kính ống tre. | 0.25đ  0.25đ |
| Câu 4  1,0 điểm | - Xăng là chất lỏng.  - Chất lỏng không có hình dạng xác định mà có hình dạng của vật chứa nó. Do đó ta có thể bơm xăng vào các bình chứa có hình dạng khác nhau. | 0,5đ  0,5đ |
| Câu 5  1,0 điểm | Gợi ý:  Trồng cây xanh.  Không xả rác ra môi trường. | 0,5 đ  0,5 đ |
| Câu 6  1,0 điểm | GHĐ và ĐCNN của bình chia độ ở hình 3.2.  a) Hình a: GHĐ là 100 cm3 và ĐCNN là  5cm3  b)  Hình b: GHĐ là 250 cm3  và ĐCNN là 25 cm3 | 0,5 đ  0,5 đ |